

CÔNG TY CỔ PHẦN ALOFARM VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALOFARM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALOFARM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALOFARM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107838210

3. Ngày thành lập: 11/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 12A, tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903220995

Fax:

Email: alofarmvietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
12.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
13.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
14.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí; kinh doanh vàng miếng)	4773
15.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
16.	Xuất bản phần mềm	5820
17.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
18.	Hoạt động viễn thông không dây	6120

19.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
20.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết : Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Hoạt động thương mại điện tử	6190(Chính)
21.	Lập trình máy vi tính	6201
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
24.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
25.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
26.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy	7110
28.	Quảng cáo	7310
29.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
36.	Trồng lúa	0111
37.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
38.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

39.	Trồng cây mía	0114
40.	Trồng cây lấy sợi	0116
41.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
43.	Trồng cây hàng năm khác	0119
44.	Trồng cây ăn quả	0121
45.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
46.	Trồng cây điều	0123
47.	Trồng cây hồ tiêu	0124
48.	Trồng cây cao su	0125
49.	Trồng cây cà phê	0126
50.	Trồng cây chè	0127
51.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
52.	Trồng cây lâu năm khác	0129
53.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
54.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
55.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
56.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
57.	Chăn nuôi lợn	0145
58.	Chăn nuôi gia cầm	0146
59.	Chăn nuôi khác	0149
60.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
61.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
62.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
63.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
64.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
65.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
66.	Khai thác thủy sản biển	0311
67.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
68.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
69.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
70.	Sản xuất giống thủy sản	0323
71.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
72.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
73.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
76.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021

77.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
78.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
83.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
84.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
86.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	Số 18M6 tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	0420730000 52	
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		
2	NGÔ VĂN HOÀNG	Thôn 6, Xã Phú Cát, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0010850045 52	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
3	NGUYỄN ĐỨC NINH	Tổ dân phố Nông Lâm, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	0010830109 96	
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001083010996

Ngày cấp: 24/09/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Nông Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Nông Lâm, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội